

Số: 335 /QĐ-SYT

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh
tại Trạm y tế xã, phường, thị trấn**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Quyết định số 685/2007/QĐ-UBND ngày 02/3/2007 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ biên bản thẩm định năng lực chuyên môn tại các trạm y tế xã, phường, thị trấn của Trung tâm y tế và Bệnh viện đa khoa;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ y - Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh tại Trạm y tế xã, phường, thị trấn (có danh mục đính kèm).

Điều 2. Trên cơ sở danh mục kỹ thuật được phê duyệt, các Trạm y tế phải đảm bảo đủ điều kiện về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế và nhân lực thực hiện đúng danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt.

Danh mục kỹ thuật được phê duyệt là cơ sở pháp lý để Trạm y tế thanh toán các dịch vụ kỹ thuật đã thực hiện với cơ quan Bảo Hiểm xã hội và chuyên tuyến.

Điều 3. Giao phòng Nghiệp vụ y - Sở Y tế kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các kỹ thuật chuyên môn đã được phê duyệt tại Trạm y tế.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông, bà Trưởng phòng Nghiệp vụ y, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Trưởng trạm y tế xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Các Đ/C Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VP, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trịnh Hữu Hùng

DANH MỤC

Kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh tại trạm Y tế xã, phường, thị trấn
(trạm Y tế xã, phường, thị trấn không có bác sỹ)

(Kèm theo Quyết định số 835/QĐ-SYT ngày 19 tháng 5 năm 2015)

TT	TÊN DANH MỤC KỸ THUẬT
	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC
1	Băng bó vết thương
2	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn
3	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
4	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
5	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
6	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
7	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
8	Đặt ống thông dạ dày
9	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
10	Đặt ống thông hậu môn
11	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
12	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
13	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
14	Gội đầu cho người bệnh tại giường
15	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ
16	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)
17	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
18	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ
19	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)
20	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)
21	Rửa dạ dày cấp cứu
22	Thông bàng quang
23	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)
24	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)
25	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)
26	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)
27	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)
28	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
29	Thụt giữ
30	Thụt tháo
31	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ
32	Vận chuyển người bệnh cấp cứu
33	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)

34	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)
35	Xoa bóp phòng chống loét
	II. NỘI KHOA
36	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
37	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)
38	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)
39	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)
40	Đặt ống thông dạ dày
41	Đặt ống thông hậu môn
42	Điện tim thường
43	Hút đờm hầu họng
44	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
45	Khí dung thuốc giãn phế quản
46	Rửa dạ dày cấp cứu
47	Siêu âm ổ bụng
48	Thụt tháo phân
49	Thụt thuốc qua đường hậu môn
50	Vận động trị liệu hô hấp
	III. NHI KHOA
51	Băng bó vết thương
52	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
53	Cắt chỉ khâu da
54	Cầm máu (vết thương chảy máu)
55	Cấp cứu bong mắt ban đầu
56	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
57	Cấp cứu người bệnh tự sát
58	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
59	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản
60	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
61	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
62	Chích áp xe lợi
63	Chích Apxe lợi trẻ em
64	Chích hạch viêm mũi
65	Chích rạch áp xe nhỏ
66	Đặt ống thông bàng quang
67	Đặt sonde hậu môn
68	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em
69	Điều trị viêm lợi do mọc răng
70	Điều trị viêm lợi trẻ em
71	Ép tim ngoài lồng ngực
72	Hồi sức chống sốc
73	Khám mắt
74	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm
75	Khí dung mũi họng

76	Lấy dây tai (nút biểu bì)
77	Lấy dị vật họng miệng
78	Lấy dị vật kết mạc
79	Mở màng giáp nhãn cấp cứu
80	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
81	Nhổ chân răng sữa
82	Nhổ răng sữa
83	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
84	Test áp (Patch test) với các loại thuốc
85	Test lấy da (Prick test) với các loại thuốc
86	Test nội bì
87	Tiêm bắp thịt
88	Tiêm dưới da
89	Tiêm tĩnh mạch
90	Tiêm trong da
91	Tiêm truyền thuốc
92	Thay băng, cắt chỉ
93	Thay băng, cắt chỉ vết mổ
94	Thôi ngạt
95	Thông tiêu
96	Thở oxy gọng kính
97	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi
98	Thở oxy qua mặt nạ có túi
99	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)
100	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
101	Thụt tháo phân
102	Truyền tĩnh mạch
103	Vận chuyển người bệnh an toàn
104	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường
105	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần
	V. NỘI TIẾT
106	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường
107	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin
108	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân
109	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện
110	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường
	VI. NGOẠI KHOA
111	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản
112	Mở rộng lỗ sáo
	VII. BÔNG
113	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bông
114	Khám bệnh nhân bông, chẩn đoán diện tích và độ sâu bông băng lâm sàng
115	Sơ cấp cứu bông acid

116	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện
117	Sơ cấp cứu bỏng do vòi tối nóng
118	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt
119	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông
120	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
121	Xử lý tại chỗ kì đầu tổn thương bỏng
	VIII. PHỤ SẢN
122	Bóc rau nhân tạo
123	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh
124	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh
125	Chăm sóc rốn sơ sinh
126	Đặt sonde hậu môn sơ sinh
127	Đỡ đẻ thường ngôi chòm
128	Hỏi sức sơ sinh ngay sau sinh
129	Khám phụ khoa
130	Khám sơ sinh
131	Khám thai
132	Làm thuốc âm đạo
133	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
134	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
135	Tắm sơ sinh
136	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ
	IX. MẮT
137	Bơm rửa lệ đạo
138	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
139	Cắt chỉ khâu kết mạc
140	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
141	Chích chấp, lệ, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc
142	Đo thị lực
143	Đốt lông xiêu, nhổ lông xiêu
144	Khám lâm sàng mắt
145	Lấy dị vật kết mạc
146	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
147	Soi đáy mắt trực tiếp
148	Thay băng vô khuẩn
149	Tra thuốc nhỏ mắt
	X. TAI MŨI HỌNG
150	Cắt chỉ sau phẫu thuật
151	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)
152	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
153	Chích nhọt ống tai ngoài
	Chọc hút dịch vành tai
154	Hút rửa mũi, xoang sau mũi
155	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ

2002

156	Khí dung mũi họng
157	Làm thuốc tai
158	Lấy dị vật họng miệng
159	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài
160	Rút meche, rút merocel hốc mũi
161	Sơ cứu bông đường hô hấp
162	Thay băng vết mổ
	XI. RĂNG HÀM MẶT
163	Chích áp xe lợi
164	Chích Apxe lợi trẻ em
165	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
166	Nhổ chân răng sữa
167	Nhổ răng sữa
168	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
	XII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
	A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)
169	Điều trị bằng tia hồng ngoại
170	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)
171	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)
	B. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)
172	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế
173	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy
174	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người
175	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người
176	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực
177	Tập các kiểu thở
178	Tập dáng đi
179	Tập đi trên các địa hình khác nhau (đốc, sỏi, gỗ ghè...)
180	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)
181	Tập đi với bàn xương cá
182	Tập đi với gậy
183	Tập đi với khung tập đi
184	Tập đi với khung treo
185	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)
186	Tập đi với thanh song song
187	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động
188	Tập ho có trợ giúp
189	Tập lăn trở khi nằm
190	Tập lên, xuống cầu thang
191	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người
192	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động
193	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi

194	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng
195	Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer...)
196	Tập vận động có kháng trở
197	Tập vận động có trợ giúp
198	Tập vận động chủ động
199	Tập vận động tự do tứ chi
200	Tập vận động thụ động
201	Tập với xe đạp tập
	C. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)
202	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn
203	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn
204	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn
205	Tập phối hợp tay miệng
206	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)
207	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày ADL với các dụng cụ trợ giúp thích nghi
	XIII. THĂM DÒ CHỨC NĂNG
208	Điện tim thường
209	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)
210	Đo thị lực
211	Nghiệm pháp dây thắt
	XIV. XÉT NGHIỆM
212	Nghiệm pháp dây thắt
213	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)
Tổng cộng: 213 danh mục	

Ghi chú:

- Đây là danh mục kỹ thuật cơ bản để trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện.
- Trường hợp có sự thay đổi về nhân lực, trang thiết bị không thực hiện được danh mục kỹ thuật. Yêu cầu Trạm y tế dừng thực hiện danh mục kỹ thuật và báo cáo Trung tâm y tế, Bệnh viện đa khoa tổng hợp báo cáo Sở Y tế (Phòng Nghiệp vụ y)
- Trường hợp Trạm y tế được bổ sung nhân lực, trang thiết bị y tế, có khả năng thực hiện các danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh mới (theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT) ngoài danh mục phê duyệt này. Trạm y tế đề nghị Trung tâm y tế, Bệnh viện đa khoa thẩm định và trình Sở Y tế phê duyệt bổ sung.

Phụ lục 2

DANH MỤC

Kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh tại trạm Y tế xã, phường, thị trấn
(trạm Y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ)

(Kèm theo Quyết định số 335 /QĐ-SYT ngày 19 tháng 5 năm 2015)

TT	TÊN DANH MỤC KỸ THUẬT
	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC
1	Băng bó vết thương
2	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn
3	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
4	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
5	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
6	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
7	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
8	Đặt ống thông dạ dày
9	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
10	Đặt ống thông hậu môn
11	Đo lượng nước tiểu 24 giờ
12	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
13	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
14	Gội đầu cho người bệnh tại giường
15	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ
16	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)
17	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
18	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ
19	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)
20	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)
21	Rửa dạ dày cấp cứu
22	Thông bàng quang
23	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)
24	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)
25	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)
26	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)
27	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)
28	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
29	Thụt giữ
30	Thụt tháo
31	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ
32	Vận chuyển người bệnh cấp cứu
33	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)

34	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)
35	Xoa bóp phòng chống loét
	II. NỘI KHOA
36	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
37	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)
38	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)
39	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)
40	Đặt ống thông dạ dày
41	Đặt ống thông hậu môn
42	Điện tim thường
43	Hút đờm hầu họng
44	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
45	Khí dung thuốc giãn phế quản
46	Rửa dạ dày cấp cứu
47	Siêu âm ổ bụng
48	Thụt tháo phân
49	Thụt thuốc qua đường hậu môn
50	Vận động trị liệu hô hấp
	III. NHI KHOA
51	Băng bó vết thương
52	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
53	Cắt chỉ khâu da
54	Cầm máu (vết thương chảy máu)
55	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
56	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
57	Cấp cứu người bệnh tự sát
58	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
59	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản
60	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
61	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
62	Chích áp xe lợi
63	Chích Apxe lợi trẻ em
64	Chích hạch viêm mũi
65	Chích rạch áp xe nhỏ
66	Đặt ống thông bàng quang
67	Đặt sonde hậu môn
68	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em
69	Điều trị viêm lợi do mọc răng
70	Điều trị viêm lợi trẻ em
71	Ép tim ngoài lồng ngực
72	Hồi sức chống sốc
73	Khám mắt
74	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm
75	Khí dung mũi họng

76	Lấy dáy tai (nú t biểu bì)
77	Lấy dị vật họng miệng
78	Lấy dị vật kết mạc
79	Mở màng giáp nhân cấp cứu
80	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
81	Nhỏ chân răng sữa
82	Nhỏ răng sữa
83	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
84	Test áp (Patch test) với các loại thuốc
85	Test lấy da (Prick test) với các loại thuốc
86	Test nội bì
87	Tiêm bắp thịt
88	Tiêm dưới da
89	Tiêm tĩnh mạch
90	Tiêm trong da
91	Tiêm truyền thuốc
92	Thay băng, cắt chỉ
93	Thay băng, cắt chỉ vết mổ
94	Thôi ngạt
95	Thông tiêu
96	Thở oxy gọng kính
97	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi
98	Thở oxy qua mặt nạ có túi
99	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)
100	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
101	Thụt tháo phân
102	Truyền tĩnh mạch
103	Vận chuyển người bệnh an toàn
104	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường
105	Xử trí dị ứng thuốc hướng thân
	V. TÂM THẦN
	VI. NỘI TIẾT
106	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường
107	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin
108	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân
109	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện
110	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường
	VII. Y HỌC CỔ TRUYỀN
	A. KỸ THUẬT CHUNG
111	Điện châm
112	Thủy châm
113	G. THỦY CHÂM
114	Thủy châm điều trị đau vai gáy
115	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên

116	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn
117	Thủy châm điều trị đau lưng
118	D. XOA BÓP BẮM HUYỆT
119	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi trên
120	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới
121	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
122	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng thắt lưng- hông
123	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi trên
124	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới
125	Xoa bóp bấm huyết điều trị choáng, ngất
126	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
127	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mi
128	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình
129	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị tăng huyết áp
130	Xoa bóp bấm huyết điều trị huyết áp thấp
131	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn
132	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau lưng
133	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai
134	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng vai gáy
135	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
136	Xoa bóp bấm huyết điều trị tắc tia sữa
137	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau bụng kinh
138	Xoa bóp bấm huyết điều trị táo bón
139	Xoa bóp bấm huyết điều trị bí đái cơ năng
140	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não
141	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
142	Xoa bóp bấm huyết điều trị đái dầm
	VIII. NGOẠI KHOA
143	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản
144	Mở rộng lỗ sáo
	IX. BÔNG
145	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bông
146	Khám bệnh nhân bông, chẩn đoán diện tích và độ sâu bông bằng lâm sàng
147	Sơ cấp cứu bông acid
148	Sơ cấp cứu bông do dòng điện
149	Sơ cấp cứu bông do vôi tôi nóng
150	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bông nhiệt
151	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bông nông
152	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
153	Xử lý tại chỗ khi đầu tổn thương bông
	X. PHỤ SẢN
154	Bóc rau nhân tạo

Handwritten mark

155	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh
156	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh
157	Chăm sóc rốn sơ sinh
158	Đặt sonde hậu môn sơ sinh
159	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
160	Hỏi sức sơ sinh ngạt sau sinh
161	Khám phụ khoa
162	Khám sơ sinh
163	Khám thai
164	Làm thuốc âm đạo
165	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
166	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
167	Tắm sơ sinh
168	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ
	XI. MẮT
169	Bơm rửa lệ đạo
170	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
171	Cắt chỉ khâu kết mạc
172	Cấp cứu bong mắt ban đầu
173	Chích chấp, lệ, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc
174	Đo thị lực
175	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu
176	Khám lâm sàng mắt
177	Lấy dị vật kết mạc
178	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
179	Soi đáy mắt trực tiếp
180	Thay băng vô khuẩn
181	Tra thuốc nhỏ mắt
	XII. TAI MŨI HỌNG
182	Cắt chỉ sau phẫu thuật
183	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)
184	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
185	Chích nhọt ống tai ngoài
186	Chọc hút dịch vành tai
187	Hút rửa mũi, xoang sau mũi
188	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ
189	Khí dung mũi họng
190	Làm thuốc tai
191	Lấy dị vật họng miệng
192	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài
193	Rút meche, rút merocel hốc mũi
194	Sơ cứu bong đường hô hấp
195	Thay băng vết mổ
	XIII. RĂNG HÀM MẶT

196	Chích áp xe lợi
197	Chích Apxe lợi trẻ em
198	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
199	Nhổ chân răng sữa
200	Nhổ răng sữa
201	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
	XIV. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
	A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)
202	Điều trị bằng tia hồng ngoại
203	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)
204	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)
	B. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)
205	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế
206	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy
207	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người
208	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người
209	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực
210	Tập các kiểu thở
211	Tập dáng đi
212	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gò ghề...)
213	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)
214	Tập đi với bàn xương cá
215	Tập đi với gậy
216	Tập đi với khung tập đi
217	Tập đi với khung treo
218	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)
219	Tập đi với thanh song song
220	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động
221	Tập ho có trợ giúp
222	Tập lăn trở khi nằm
223	Tập lên, xuống cầu thang
224	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người
225	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động
226	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi
227	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng
228	Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer...)
229	Tập vận động có kháng trở
230	Tập vận động có trợ giúp
231	Tập vận động chủ động
232	Tập vận động tự do tứ chi
233	Tập vận động thụ động
234	Tập với xe đạp tập

	C. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)
235	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn
236	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn
237	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn
238	Tập phối hợp tay miệng
239	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)
240	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày ADL với các dụng cụ trợ giúp thích nghi
	XV. THĂM DÒ CHỨC NĂNG
241	Điện tim thường
242	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)
243	Đo thị lực
244	Nghiệm pháp dây thắt
245	Siêu âm 2D
	XVI. XÉT NGHIỆM
246	Nghiệm pháp dây thắt
247	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)
Tổng cộng: 247 danh mục	

Ghi chú:

- Đây là danh mục kỹ thuật cơ bản để trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện.
- Trường hợp có sự thay đổi về nhân lực, thiếu trang thiết bị không thực hiện được danh mục kỹ thuật. Yêu cầu Trạm y tế dừng thực hiện danh mục kỹ thuật và báo cáo Trung tâm y tế, Bệnh viện đa khoa tổng hợp báo cáo Sở Y tế (phòng Nghiệp vụ y)
- Trường hợp Trạm y tế được bổ sung nhân lực, trang thiết bị y tế, có khả năng thực hiện các danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh mới (theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT) ngoài danh mục phê duyệt này. Trạm y tế đề nghị Trung tâm y tế, Bệnh viện đa khoa thẩm định và trình Sở Y tế phê duyệt bổ sung.